TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/DS-ST
Ngày: 14-4-2025
v/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố và đòi tiền

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du

Ông Đoàn Văn Hòa

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Đỗ Thục Uyên là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 242/2024/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và đòi tiền*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146a/2025/QĐHPT-DS ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần S. Trụ sở: Số A đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal N - Chức vụ: Giám đốc. Người điện theo uỷ quyền: Ông Võ Hoài V - Chức vụ: Nhân viên khách hàng (Giấy uỷ quyền số 441/2024/UQ-PGDCC ngày 01/01/2024). Có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm: 1983. Nơi thường trú: A N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2024, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 20/3/2025 của nguyên đơn Công ty Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty S), các bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Hoài V trình bày:

Vào ngày 02/11/2023, bà Nguyễn Thị Xuân T có đến Chi nhánh của Công ty cổ phần S để ký hợp Hợp đồng cầm cố số DNM231101003NA14X với Công ty và kèm theo các phụ lục hợp đồng. Tài sản cầm cố là 01 xe mô tô hai

bánh nhãn hiệu Honda Airblade có BKS: 43F1-208.11 *(Có giấy chứng nhận đăng ký xe số 0156365 do Công an thành phố Đ cấp ngày 19/9/2017 cho bà Nguyễn Thị Xuân T*), thời hạn cầm cố là 6 tháng (từ ngày 02/11/2023 đến ngày 02/05/2024), để nhận lấy số tiền là 7.255.000 đồng, với mức lãi suất cố định là 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty cổ phần S đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho bà Nguyễn Thị Xuân T. Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên ngày 02/11/2023, giữa HYPERLINK \l "link"\o "Công ty Sawad"Công ty cổ phần S và bà Nguyễn Thị Xuân T ký kết giấy mượn xe, theo đó bà Nguyễn Thị Xuân T mượn lại xe để sử dụng, thời hạn mượn xe 30 ngày từ ngày 02/11/2023 đến 02/12/2023, trả phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 282.9445 đồng, khi khách hàng thanh toán đúng hạn thì phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 210.395 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Xuân T chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo Hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe đã ký kết với Công ty. Đến nay đã quá thời gian quy định, nhưng bà Nguyễn Thị Xuân T không thanh toán kỳ nào và cũng không trả lại xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade có BKS: 43F1-208.11 cho Công ty.

Do đó, Công ty cổ phần S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Xuân T phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe đã ký với Công ty với tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/7/2024 là 11.258.000 đồng (Mười một triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 7.255.000 đồng, nợ lãi là: 283.011,67 đồng, phí quản lý hồ sơ: 128.641,68 đồng, phí mượn xe (phí bảo dưỡng và hao mòn) là 1.697.670 đồng và phí trễ hạn là 1.693.479 đồng. Buộc bà Nguyễn Thị Xuân T phải tiếp tục thanh toán khoản lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kết kể từ ngày 31/7/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 20/3/2024, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là xe môtô Honda Airblade BKS 43F1-208.11; tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền phí quản lý hồ sơ 128.642 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý yêu cầu trả nợ dần của bị đơn. Do bà T thường xuyên chây ỳ không trả nợ nên đại diện nguyên đơn không miễn giảm phần lãi cho bà T mà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Xuân T phải thanh toán cho Công ty cổ phần S với tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/4/2025 là 10.916.623 đồng, trong đó nợ gốc là 7.255.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 283.012 đồng và lãi quá hạn là 1.680.941 đồng; phí mượn xe (phí bảo dưỡng và hao mòn) là 1.697.670 đồng (6 tháng theo hợp đồng)

+ Buộc bà Nguyễn Thị Xuân T phải tiếp tục thanh toán khoản lãi theo hợp đồng cầm cố đã ký kết kể từ ngày 15/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Khi bà Nguyễn Thị Xuân T thanh toán hết nợ cho Công ty cổ phần S thì Công ty

sẽ trả lại cho bà Nguyễn Thị Xuân T bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe số 0156365 do Công an thành phố Đ cấp ngày 19/9/2017 mang tên Nguyễn Thị Xuân T.

**** Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân T:*** Tại bản tự khai ngày 21/3/2015 và tại biên bản hòa giải bà Nguyễn Thị Xuân T trình bày: Bà có vay tiền của **HYPERLINK \l "link"\o "Công ty Sawad"**Công ty cổ phần S số tiền ban đầu là 7.255.000 đồng. Hiện hoàn cảnh bà buôn bán khó khăn nên bà đề nghị trả dần khoản nợ cho Công ty cổ phần S trong thời hạn 3 tháng với số tiền mỗi tháng trả 3.190.000 đồng, trả 3 tháng tổng cộng là 9.570.000 đồng là theo số tiền Công ty cổ phần S xác định, không tính các phần tiền lãi và phí quá hạn (đã miễn giảm cho bà T) nếu bà T cam kết trả nợ đúng hạn cho Công ty. Tuy nhiên, sau khi thống nhất số tiền và phương án trả nợ và chi nhận hòa giải thành thì bà T không đồng ý chịu phần án phí theo quy định của pháp luật nên biên bản hòa giải thành ngày 21/3/2025 không được công nhận, Tòa án không ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự được.

Do đó, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Xuân T vắng mặt nên không có trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2024 của nguyên đơn thể hiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ theo hợp đồng cầm cố và chi phí cho mượn xe theo giấy mượn xe đã ký với nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 309 Bộ luật Dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng cầm cố tài sản và đòi tiền.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú tại A N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần xử lý tài sản bảo đảm và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút yêu cầu tính phí quản lý hồ sơ đối với số tiền 128.642 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm và số tiền phí quản lý hồ sơ là 128.642 đồng**.**

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân T phải thanh toán cho Công ty cổ phần S với tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/4/2025 là 10.916.623 đồng, trong đó nợ gốc là 7.255.000 đồng, nợ lãi là: 283.012 đồng, phí mượn xe (phí bảo dưỡng và hao mòn) là 1.697.670 đồng (6 tháng) và lãi quá hạn là 1.680.941 đồng và phải tiếp tục thanh toán lãi theo hợp đồng cầm cố đã ký kết kể từ ngày 15/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[2.2] Căn cứ vào các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như: Giấy mượn xe ngày 02/11/2023 giữa bà Nguyễn Thị Xuân T và HYPERLINK \l "link"\o "Công ty cổ phần Sawad"Công ty cổ phần S; Hợp đồng cầm cố số DNM231101003NA14X ngày 02/11/2023 giữa bà Nguyễn Thị Xuân T và HYPERLINK \l "link"\o "Công ty cổ phần Sawad"Công ty cổ phần S kèm các phụ lục của hợp đồng cầm cố; Phiếu đăng ký cầm cố xe máy ngày 02/11/2023 giữa bà Nguyễn Thị Xuân T và HYPERLINK \l "link"\o "Công ty cổ phần Sawad"Công ty cổ phần S, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Ngày 02/11/2023, giữa HYPERLINK \l "link"\o "Công ty Sawad"Công ty S và bà T có ký kết Hợp đồng cầm cố số DNM231101003NA14X ngày 02/11/2023 và kèm phụ lục, theo đó: Bà T giao tài sản cầm cố là xe mô tô có BKS: 43F1-208.11 cho Công ty cổ phần S *(Có giấy chứng nhận đăng ký xe số 0156365 do Công an thành phố Đ cấp ngày 19/9/2017 mang tên Nguyễn Thị Xuân T),* thời hạn cầm cố là 06 tháng từ ngày 02/11/2023 đến ngày 02/5/2024 và bà T nhận số tiền 7.255.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, thời hạn thanh toán tiền định kỳ hàng tháng (bao gồm nợ gốc và lãi trong hạn) với số tiền 1.277.776 đồng vào ngày 02 hàng tháng từ tháng 12/2023 đến tháng 05/2024. Việc ký kết hợp đồng cầm cố tài sản và giấy mượn xe nêu trên là trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

[2.3] Về số tiền nợ gốc 7.255.000 đồng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Xuân T chưa trả bất cứ khoản tiền nợ gốc nào cho HYPERLINK \l "link"\o "Công ty Sawad"Công ty S, đến hết thời hạn cầm cố là 6 tháng (đến 02/5/2024) bà T cũng không trả nợ gốc cho Công ty, do đó bà Nguyễn Thị Xuân T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà T về việc trả số tiền nợ gốc là 7.255.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với Điều 4 của Hợp đồng cầm cố số DNM231101003NA14X ngày 02/11/2023, quy định tại Điều 280, Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[2.3] Xét số tiền lãi trong hạn là: 283.012 đồng và lãi quá hạn là 1.680.941 đồng

Tại Hợp đồng cầm cố số DNM231101003NA14X ngày 02/11/2023 kèm phụ lục quy định mức lãi suất thỏa thuận là 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Căn cứ vào khoản 6 Điều 29 của Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định *"Tỷ lệ lãi suất cho vay tiền khi nhận cầm cố tài sản không vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự"* và đối chiếu tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác*". Việc thỏa thuận mức lãi suất, lãi suất quá hạn của Công ty S và bà Nguyễn Thị Xuân T tại hợp đồng cầm cố nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Công ty S yêu cầu tiền lãi suất trong hạn **283.012 đồng** và lãi quá hạn kể từ ngày 03/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/4/2024 với số tiền là **1.680.941** đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu đòi tiền đối với số tiền phí mượn xe là 1.697.670 đồng (6 tháng): Sau khi ký kết số DNM231101003NA14X ngày 02/11/2023, do bà T không có phương tiện đi lại để làm ăn nên đã ký kết hợp đồng mượn xe (Giấy mượn xe ngày 02/11/2023) để mượn xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Airblade có BKS: 43F1-208.11 đã cầm cố với Công ty S, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 02/11/2023 đến ngày 02/12/2023 và phí mượn xe theo thỏa thuận là 282.945 đồng/tháng. Sau khi mượn xe, bà T sử dụng xe từ đó cho đến nay mà không trả lại xe và cũng không trả phí mượn xe cho Công ty S như thỏa thuận các bên đã ký trong giấy mượn xe. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc các bên thỏa thuận cho nhau mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade có BKS: 43F1-208.11 khi đã cầm cố là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 314 của Bộ luật Dân sự. Bà T đã vi phạm cam kết trong giấy mượn xe ngày 02/11/2023, nên Công ty S yêu cầu buộc bà T phải trả tiền chi phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe mô tô (6 tháng theo hợp đồng) tính từ ngày 02/11/2023 đến ngày 02/5/2024) là **1.697.670 đồng** (tức là 282.945 đ/tháng x 6 tháng) cho **HYPERLINK \l "link"\o "Công ty Sawad"**Công ty S là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Từ những phân tích đã nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% x 10.916.623 = 545.831 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện và rút yêu cầu về phí quản lý hồ sơ nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 280, 309, 314, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và đòi tiền.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Xuân T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S số tiền nợ là 10.916.623 đồng (Mười triệu, chín trăm mười sáu nghìn, sáu trăm hai mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 7.255.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 283.012 đồng và lãi quá hạn là 1.680.941 đồng

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong hợp đồng cầm cố số DNM231101003NA14X ngày 02/11/2023

Trường hợp bà Nguyễn Thị Xuân T trả hết nợ thì Công ty Cổ phần S phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Xuân T bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe số 0156365 do Công an thành phố Đ cấp ngày 19/9/2017 mang tên Nguyễn Thị Xuân T.

3. Buộc bà Nguyễn Thị Xuân T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S số tiền phí mượn xe (phí bảo dưỡng và hao mòn) là 1.697.670 đồng (6 tháng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S về việc buộc bà Nguyễn Thị Xuân T trả số tiền phí quản lý hồ sơ là 128.642 đồng và yêu cầu xử lý tài sản cầm cố.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 545.831 đồng (*năm trăm bốn mươi lăm nghìn, tám trăm ba mươi mốt đồng*).

- Công ty Cổ phần S được hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001933 ngày 16/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 14/4/2025.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bàng